

Số: 432 /CV-HHTM

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2026

THƯ MỜI CHÀO GIÁ

Kính gửi: Các đơn vị cung cấp hóa chất, sinh phẩm

Viện Huyết học - Truyền máu Trung ương trân trọng cảm ơn Quý đơn vị đã hợp tác với Viện trong thời gian qua.

Hiện nay Viện đang thực hiện lập Kế hoạch mua hóa chất, sinh phẩm lần 1 năm 2026.

Viện Huyết học - Truyền máu Trung ương kính mời các đơn vị có đủ năng lực, kinh nghiệm cung cấp báo giá hóa chất, sinh phẩm lần 1 thuộc kế hoạch năm 2026 của Viện Huyết học - Truyền máu Trung ương của gói thầu sau:

Gói thầu số 1: Hóa chất theo phần khối truyền máu, gồm 131 danh mục, chia thành 12 phần

1. Mục đích báo giá: Làm cơ sở xây dựng giá kế hoạch lựa chọn nhà thầu
 2. Thời hạn gửi báo giá: Trước 10h00 ngày 15/4/2026
 3. Yêu cầu báo giá:
 - Về giá: Đã bao gồm thuế VAT.
 - Báo giá có hiệu lực: Tối thiểu 10 tháng kể từ ngày phát hành
 - Về khối lượng, chất lượng: Nhà thầu đáp ứng đủ khối lượng, chất lượng, tính năng kỹ thuật theo yêu cầu như trong phụ lục đính kèm thư mời.
 4. Hình thức gửi báo giá:
 - Đề nghị Quý đơn vị sử dụng Mẫu báo giá tại phụ lục đính kèm bản cứng (ký đóng dấu, và đính kèm bản sao giấy phép kinh doanh đóng dấu của Quý Công ty), gửi trực tiếp hoặc theo đường bưu điện (đối với trường hợp gửi bưu điện, thời gian nhận báo giá phải trước thời hạn gửi báo giá).
 - Bản mềm gửi Email: phongvattunihbt@gmail.com
 5. Địa điểm nhận báo giá: Phòng Vật tư – Thiết bị y tế (phòng 902, tầng 9, Nhà H), Viện Huyết học - Truyền máu Trung ương, Số 5, đường Phạm Văn Bạch, Phường Cầu Giấy, Hà Nội
 6. Cần tìm hiểu thêm thông tin xin liên hệ: Phòng Vật tư – Thiết bị y tế, Viện Huyết học - Truyền máu Trung ương, điện thoại: 0944726866
- Kính đề nghị Quý đơn vị quan tâm, gửi báo giá kèm thư mời này đến Viện Huyết học - Truyền máu Trung ương.

Trân trọng thông báo!

Nơi nhận:

- Như trên
- Phòng Truyền thông, Website của Viện.
- Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia
- Lưu VTTBYT. T3b

KT.VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



* Lê Lâm

PHỤ LỤC: Gói thầu số 1: Hóa chất theo phản khối truyền máu, gồm 131 danh mục, chia thành 12 phần
(Đính kèm Thư mời chào giá ngày 26/3/2026)

Thông tin mời chào giá																			
STT	Khoa	Phân phần	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Hạn sử dụng tối thiểu tại thời điểm giao hàng	Tên hàng hóa chào giá	Tính năng kỹ thuật chào giá	Hãng SX/ Nước SX	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Hạn sử dụng tối thiểu tại thời điểm giao hàng	Ghi chú	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
1	XNSL	1	Phần 1: Nhóm hóa chất xét nghiệm HIV, HCV bằng kỹ thuật Immuno Blot, phù hợp với thiết bị của Viện, gồm 2 danh mục	Xét nghiệm HCV bằng kỹ thuật Immuno Blot.	20 test/ hộp	Hộp	2	≥ 3 tháng											
2	XNSL	1	2	INNO - LIA TM HIV /II Score	Xét nghiệm HIV bằng kỹ thuật Immuno Blot.	20 test/ hộp	Hộp	2	≥ 3 tháng										
3	XNSL	2	1	Cellbind Liss	Hóa chất pha loãng hồng cầu cho XN sàng lọc kháng thể bất thường.	250 ml/chai	Chai	90	≥ 6 tháng										
4	XNSL	2	2	Cellbind Screen	Thành phần cốt gel có anti-IgG, anti-IgM và anti-C3d.	48 card/hộp	Hộp	200	≥ 3 tháng										
	XNSL	3	Phần 3: Nhóm hóa chất xét nghiệm HIV, HBV, HCV ... và 1 số xét nghiệm khác bằng kỹ thuật hóa phát quang, yêu cầu thiết bị tương thích đi kèm, gồm 35 danh mục																
	XNSL	3	Yêu cầu thiết bị																
	XNSL	3	1	Alinity i HIV Ag/Ab Combo Calibrator	Hóa chất chuẩn cho xét nghiệm HIV	1 lọ x 3 ml/hộp	Hộp	10	≥ 3 tháng										
6	XNSL	3	2	Alinity i HIV Ag/Ab Combo Controls	Hóa chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm HIV	4 lọ x 8 ml/hộp	Hộp	30	≥ 3 tháng										
7	XNSL	3	3	Alinity i HIV Ag/Ab Combo Reagent Kit	- Độ nhạy 100% - Độ đặc hiệu ≥ 99,9% - Xét nghiệm được chỉ định sử dụng trong sàng lọc máu.	1200 test/hộp	Hộp	340	≥ 3 tháng										
8	XNSL	3	4	Alinity i HBsAg Next Qualitative Calibrators	Hóa chất chuẩn cho xét nghiệm HBsAg Next Qualitative	2 lọ x 3 ml/hộp	Hộp	10	≥ 3 tháng										
9	XNSL	3	5	Alinity i HBsAg Next Qualitative Controls	Hóa chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm HBsAg Next Qualitative	2 lọ x 8 ml/hộp	Hộp	20	≥ 3 tháng										
10	XNSL	3	6	Alinity i HBsAg Next Qualitative Reagent Kit	- Độ nhạy 100%, độ đặc hiệu ≥ 99,9 % - Xét nghiệm được chỉ định sử dụng trong sàng lọc máu.	1200 test/hộp	Hộp	225	≥ 3 tháng										
11	XNSL	3	7	Alinity i Anti-HCV Calibrator	Hóa chất chuẩn cho xét nghiệm Anti-HCV.	1 lọ x 3 ml/hộp	Hộp	7	≥ 3 tháng										
12	XNSL	3	8	Alinity i Anti-HCV Controls	Hóa chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm Anti-HCV	2 lọ x 8 ml/hộp	Hộp	10	≥ 3 tháng										
13	XNSL	3	9	Alinity Trigger Solution	Tiêu chuẩn chất lượng ISO hoặc tương đương	4 chai x 975ml/hộp	Hộp	140	≥ 3 tháng										
14	XNSL	3	10	Alinity Pre-Trigger Solution	Tiêu chuẩn chất lượng ISO hoặc tương đương	4 chai x 975ml/hộp	Hộp	110	≥ 3 tháng										
15	XNSL	3	11	Alinity i-series Concentrated Wash Buffer	Tiêu chuẩn chất lượng ISO hoặc tương đương	2 chai x 2 lít/hộp	Hộp	850	≥ 3 tháng										
16	XNSL	3	12	Alinity i-series Probe Conditioning Solution	Dung dịch bảo vệ kim ngăn không cho các thành phần không đặc hiệu bám vào kim	2 chai x 31,8 ml/hộp	Hộp	36	≥ 3 tháng										
17	XNSL	3	13	Alinity i Anti-HBc II Calibrator	Hóa chất chuẩn cho xét nghiệm Anti- HBc	1 lọ x 3 ml/hộp	Hộp	3	≥ 3 tháng										
18	XNSL	3	14	Alinity i Anti-HBc II Controls	Hóa chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm Anti- HBc	2 lọ x 8 ml/hộp	Hộp	3	≥ 3 tháng										
19	XNSL	3	15	Alinity i Anti-HBc II Reagent Kit	Độ nhạy: 100% Độ đặc hiệu: 99,86%	200 test/hộp	Hộp	6	≥ 3 tháng										
20	XNSL	3	16	Alinity i HBsAg Qualitative II Confirmatory Reagent Kit	- Hóa chất xác nhận sự hiện diện kháng nguyên HBsAg trong huyết thanh, huyết tương bằng sự trung hoà kháng thể đặc hiệu.	200 test/hộp	Hộp	4	≥ 3 tháng										
21	XNSL	3	17	Alinity i HBsAg Qualitative II Confirmatory Manual Diluent	Dung dịch pha loãng mẫu trong xét nghiệm HBsAg Qualitative II Confirmatory	1 chai/hộp	Hộp	4	≥ 3 tháng										

STT	Khoa	Phần	S/TT phần	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Hạn sử dụng tối thiểu tại thời điểm giao hàng	Tên hàng hóa chào giá	Tính năng kỹ thuật chào giá	Hãng SX/ Nước SX	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Hạn sử dụng tối thiểu tại thời điểm giao hàng	Chi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
22	XNSL	3	18	Alinity i Anti-HCV Reagent Kit	- Độ nhạy 100%, độ đặc hiệu ≥ 99,9 %. - Xét nghiệm được chỉ định sử dụng trong sàng lọc máu	1000 test/hộp	Hộp	270	≥ 3 tháng										
23	XNSL	3	19	Alinity i Anti-HBe Calibrator	Hóa chất chuẩn cho xét nghiệm Anti-HBe.	1 x 3 ml/hộp	Hộp	2	≥ 6 tháng										
24	XNSL	3	20	Alinity i Anti-HBe Controls	Hóa chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm Anti-HBe	2 x 8 ml/hộp	Hộp	2	≥ 6 tháng										
25	XNSL	3	21	Alinity i Anti-HBe Reagent Kit	- Độ nhạy 100%. - Độ đặc hiệu ≥99,8%	2 x 100 test/hộp	Hộp	2	≥ 6 tháng										
26	XNSL	3	22	Alinity i HBeAg Calibrators	Hóa chất chuẩn cho xét nghiệm HBeAg.	2 x 3 ml/hộp	Hộp	2	≥ 6 tháng										
27	XNSL	3	23	Alinity i HBeAg Controls	Hóa chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm HBeAg	2 x 8 ml/hộp	Hộp	2	≥ 6 tháng										
28	XNSL	3	24	Alinity i HBeAg Reagent Kit	- Độ nhạy 100%. - Độ đặc hiệu 100%	2 x 100 test/hộp	Hộp	2	≥ 6 tháng										
29	XNSL	3	25	Alinity i Syphilis TP Calibrator	Hóa chất chuẩn cho xét nghiệm Syphilis TP.	1 x 3 ml/hộp	Hộp	3	≥ 6 tháng										
30	XNSL	3	26	Alinity i Syphilis TP Controls	Hóa chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm Syphilis TP.	2 x 8 ml/hộp	Hộp	5	≥ 6 tháng										
31	XNSL	3	27	Alinity i Syphilis TP Reagent Kit	- Độ nhạy 100%. - Độ đặc hiệu ≥99,9% - Xét nghiệm được chỉ định sử dụng cho xét nghiệm sàng lọc máu.	2 x 100 test/hộp	Hộp	25	≥ 6 tháng										
32	XNSL	3	28	Alinity i Anti-HBs Calibrators	Hóa chất chuẩn cho xét nghiệm Anti-HBs.	6 x 3 ml/hộp	Hộp	2	≥ 6 tháng										
33	XNSL	3	29	Alinity i Anti-HBs Controls	Hóa chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm Anti-HBs.	3 x 8 ml/hộp	Hộp	2	≥ 6 tháng										
34	XNSL	3	30	Alinity i Anti-HBs Reagent Kit	- Độ nhạy ≥ 97,8% - Độ đặc hiệu ≥ 99,7%;	2 x 100 test/hộp	Hộp	2	≥ 6 tháng										
35	XNSL	3	31	Alinity i CMV IgM Calibrator	Hóa chất chuẩn cho xét nghiệm CMV IgM	1 lọ x 3 ml/hộp	hộp	4	≥ 3 tháng										
36	XNSL	3	32	Alinity i CMV IgM Control	Hóa chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm CMV IgM	2 lọ x 4 ml/hộp	hộp	6	≥ 3 tháng										
37	XNSL	3	33	Alinity i CMV IgM Reagent Kit	Độ đặc hiệu ≥ 98,8 %.	200 test/hộp	hộp	10	≥ 3 tháng										
38	XNSL	3	34	Cốc chứa mẫu	Sử dụng cho hệ thống xét nghiệm huyết thanh học	1.000 cái/ hộp	Cái	3.000	≥ 6 tháng										
39	XNSL	3	35	Công phân ứng (RV)	Sử dụng cho hệ thống xét nghiệm huyết thanh học	4000 cái/hộp	Cái	1.720.000	≥ 6 tháng										
	XNSL	4	Phần 4: Nhóm hóa chất rửa cho máy định nhóm máu, gồm 2 danh mục																
40	XNSL	4	1	Cleaning Solution	- Rửa sạch rửa hệ thống kim hút	Hộp 1 Lit	Hộp	300	≥ 6 tháng										
41	XNSL	4	2	Wash Solution	Dùng dịch rửa hệ thống	5 lít/ can	Can	70	≥ 6 tháng										
	XNSL	5	Phần 5: Nhóm hóa chất xét nghiệm NAT bằng kỹ thuật TMA (kỹ thuật khuếch đại qua trung gian phiên mã), yêu cầu thiết bị tương thích đi kèm, gồm 19 danh mục																
	XNSL	5		Yêu cầu thiết bị	- Công suất ≥ 50 test/giờ/ 1 máy. - Hệ thống máy có khả năng xử lý được số lượng mẫu ≥ 100 test/giờ. - Thời gian cho kết quả xét nghiệm ≤ 3,5 giờ. - Thời gian cho kết quả xét nghiệm ≤ 3,5 giờ. - Hệ thống máy tự động hoàn toàn (từ khâu trộn mẫu tới khâu phân tích kết quả xét nghiệm); - Kết nối được với phần mềm Quản lý trung tâm mẫu. - Đạt yêu cầu về xác nhận phương pháp theo tiêu chuẩn ISO 15189.														
42	XNSL	5	1	ADVANCED CLEANING SOLUTION	- Dung dịch rửa dùng cho hệ thống xét nghiệm acid nucleic	Chai 255mL	Chai	100	≥ 6 tháng										
43	XNSL	5	2	BOX 1 PROCLIX ULTRIO ELITE ASSAY	- Phát hiện các tác nhân vi rút (RNA-HIV1,2, RNA- HCV, DNA- HBV) trong huyết thanh hoặc huyết tương. - Giới hạn phát hiện: HIV-1 ≤ 20 IU/ml; HIV-2: ≤ 11; IU/ml; HCV: ≤ 5 IU/ml; HBV: ≤ 4,5 IU/ml. - Xét nghiệm được chỉ định sử dụng cho sàng lọc máu.	Hộp 1000 Tests	Hộp	145	≥ 6 tháng										
44	XNSL	5	3	BOX 2 PROCLIX ULTRIO ELITE ASSAY	- Phát hiện các tác nhân vi rút (RNA-HIV1,2, RNA- HCV, DNA- HBV) trong huyết thanh hoặc huyết tương. - Giới hạn phát hiện: HIV-1 ≤ 20 IU/ml; HIV-2: ≤ 11; IU/ml; HCV: ≤ 5 IU/ml; HBV: ≤ 4,5 IU/ml. - Xét nghiệm được chỉ định sử dụng cho sàng lọc máu.	Hộp 1000 Tests	Hộp	145	≥ 6 tháng										

STT	Khoa	Phân	STT phân	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Hạn sử dụng tối thiểu tại thời điểm giao hàng	Tên hàng hóa chào giá	Tính năng kỹ thuật chào giá	Hãng SX/ Nước SX	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Hạn sử dụng tối thiểu tại thời điểm giao hàng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
45	XNSL	5	4	BOX 3 PROCLEIX ULTRIO ELITE ASSAY	- Phát hiện các tác nhân vi rút (RNA-HIV-1,2, RNA- HCV, DNA- HBV) trong huyết thanh hoặc huyết tương. - Giới hạn phát hiện: HIV-1 ≤ 20 IU/ml; HIV-2: ≤ 11, IU/ml; HCV: ≤ 5 IU/ml; HBV: ≤ 4,5 IU/ml - Xét nghiệm được chỉ định sử dụng cho sàng lọc máu.	Hộp 1000 Tests	Hộp	145	≥ 6 tháng										
46	XNSL	5	5	DISCRIMINATORY PROBE REAGENTS	- Chứa các thành phần sau: + HIV Discriminatory Probe Reagent; + HCV Discriminatory Probe Reagent; + HBV Discriminatory Probe Reagent;	Hộp 200 test	Hộp	2	≥ 6 tháng										
47	XNSL	5	6	NEGATIVE CALIBRATORS	Mẫu chứng âm	Hộp 30x2mL	Hộp	24	≥ 6 tháng										
48	XNSL	5	7	POSITIVE CALIBRATORS	- Gồm 3 loại hóa chất : + HIV Positive Calibrator; + HCV Positive Calibrator; + HBV Positive Calibrator;	Hộp 3x15x2mL	Hộp	48	≥ 6 tháng										
49	XNSL	5	8	PROCLEIX ASSAY FLUIDS	Chứa các thành phần sau: Wash Solution; Oil; Buffer for Deactivation Fluid	Hộp 1000 Tests	Hộp	180	≥ 6 tháng										
50	XNSL	5	9	PROCLEIX AUTO DETECT REAGENTS	Chứa các thành phần sau: - Auto Detect 1: 1 x 245 mL - Auto Detect 2: 1 x 245 mL	Hộp 1000 Tests	Hộp	180	≥ 6 tháng										
51	XNSL	5	10	TARGET ENHANCER REAGENT	Thành phần có chứa Lithium hydroxide	Hộp 1000 Tests	Hộp	145	≥ 6 tháng										
52	XNSL	5	11	Ống phản ứng MTU dùng cho xét nghiệm NAT	Sử dụng cho hệ thống xét nghiệm NAT	500 ống/hộp	Ống	307.500	≥ 6 tháng										
53	XNSL	5	12	Tip nhựa 1,0 ML dùng cho xét nghiệm NAT	Sử dụng cho hệ thống xét nghiệm NAT	2.304 tip/hộp	Tip	345.600	≥ 6 tháng										
54	XNSL	5	13	Tip nhựa có màng lọc 1000 µL dùng cho xét nghiệm NAT	Sử dụng cho hệ thống xét nghiệm NAT	9.600 cái/hộp	Cái	672.000	≥ 6 tháng										
55	XNSL	5	14	Bọc túi chất thải dùng cho xét nghiệm NAT	Sử dụng cho hệ thống xét nghiệm NAT	10 chiếc/hộp	Chiếc	210	≥ 6 tháng										
56	XNSL	5	15	Túi chất thải dùng cho xét nghiệm NAT	Sử dụng cho hệ thống xét nghiệm NAT	10 chiếc/hộp	Chiếc	210	≥ 6 tháng										
57	XNSL	5	16	Nắp dây thuốc thử bắt cặp đích dùng cho xét nghiệm NAT	- Không chứa DNase, RNase	100 chiếc/túi	Chiếc	200	≥ 6 tháng										
58	XNSL	5	17	Nắp dây thuốc thử khuếch đại dùng cho xét nghiệm NAT	- Không chứa DNase, RNase	100 chiếc/túi	Chiếc	200	≥ 6 tháng										
59	XNSL	5	18	Nắp dây thuốc thử men dùng cho xét nghiệm NAT	- Không chứa DNase, RNase	100 chiếc/túi	Chiếc	200	≥ 6 tháng										
60	XNSL	5	19	Nắp dây thuốc thử tăng cường đích dùng cho xét nghiệm NAT	- Không chứa DNase, RNase	100 chiếc/túi	Chiếc	200	≥ 6 tháng										
	XNSL	6	Phần 6: Nhóm hóa chất xét nghiệm NAT bằng kỹ thuật Realtime PCR, yêu cầu thiết bị tương thích đi kèm, gồm 14 danh mục																
	XNSL	6		Yêu cầu thiết bị: - Kéo nối được với phần mềm Quản lý trung tâm máu. - Đạt yêu cầu về xác nhận phương pháp theo tiêu chuẩn ISO 15189.	- Công suất ≥ 40 test/giờ/ 1 máy. - Hệ thống máy có khả năng xử lý được số lượng mẫu ≥ 80 test/giờ - Thời gian cho kết quả xét nghiệm ≤ 3,5 giờ. - Hệ thống máy tự động hoàn toàn (từ khâu trộn mẫu tới khâu phân tích kết quả xét nghiệm); - Có hệ thống tiến phần tích phục vụ lý lâm và mở nắp ống mẫu tự động.														
61	XNSL	6	1	cobas® MPX	- Xét nghiệm định tính, phát hiện trực tiếp ARN-HIV nhóm 1, 2; ARN - HCV, DNA-HBV. - Giới hạn phát hiện: HIV-1 nhóm M ≤ 50,5 IU/ml; HIV-1 nhóm O ≤ 20 bản sao/ml; HIV-2 ≤ 8,0 IU/ml; HCV ≤ 7 IU/ml, HBV ≤ 3 IU/ml. - Xét nghiệm được chỉ định sử dụng trong sàng lọc máu.	480 test/hộp	Hộp	215	≥ 6 tháng										
62	XNSL	6	2	cobas omni M/C/P Reagent	Có chứa hạt thủy tinh từ tính	480 test/hộp	Hộp	220	≥ 6 tháng										
63	XNSL	6	3	cobas omni Lysis Reagent	- Chứa các thành phần: guanidine thiocyanate, polydecanol, dithiothreitol, dihydro sodium citrate.	4 bình x 875 ml/hộp	Hộp	125	≥ 6 tháng										

STT	Khoa	Phân	STT	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Hạn sử dụng tối thiểu tại thời điểm giao hàng	Tên hàng hóa chào giá	Tính năng kỹ thuật chào giá	Hãng SX/ Nước SX	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Hạn sử dụng tối thiểu tại thời điểm giao hàng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
64	XNSL	6	4	cobas® NHP Negative Control Kit	- Chứa huyết tương người bình thường không phản ứng với anti-HCV, anti-HIV-1/2, HBsAg, anti-HBe; không phát hiện HIV-1 RNA, HIV-2 RNA, HCV- RNA, HBV-DNA bằng phương pháp PCR. Thành phần gồm: - MPX Multi Positive Control - MPX HIV-1 O Positive Control - MPX HIV-2 Positive Control	16 x 1ml/ hộp	Hộp	90	≥ 3 tháng										
65	XNSL	6	5	cobas® MPX Control Kit		4 x 3 x 1ml/ hộp	Hộp	340	≥ 6 tháng										
66	XNSL	6	6	cobas omni Specimen Diluent	- Chứa dung dịch: Tris buffer, methyl- 4 hydroxybenzoate, natri azide.	4 bình x 875 ml/hộp	Hộp	80	≥ 6 tháng										
67	XNSL	6	7	cobas omni Wash Reagent	- Chứa dung dịch: Natri citrate dihydrate, methyl-4 hydroxybenzoate.	4200 mL	Hộp	405	≥ 6 tháng										
68	XNSL	6	8	Đầu cón có màng lọc	- Đầu tip thể tích: ≤ 1000 µL. - Vật liệu: Polypropylene – PP. - Được sử dụng trong chẩn đoán in vitro để hút mẫu và thuốc thử dạng lỏng, cho các xét nghiệm sinh học và hóa học. - Không có Pyrogen, RNase, DNase, chất ức chế PCR, DNA và ATP của người.	40 x 96 Cái/hộp	Cái	1.728.000	≥ 6 tháng										
69	XNSL	6	9	Đầu cón để hút mẫu	- Có giấy chống nhấm CE hoặc tương đương	16 racks/hộp	Rack	2.560	≥ 6 tháng										
70	XNSL	6	10	Đĩa khuếch đại mẫu	- Có giấy chống nhấm CE hoặc tương đương	32 cái/hộp	Cái	1.760	≥ 6 tháng										
71	XNSL	6	11	Đĩa xử lý mẫu cho hệ thống xét nghiệm NAT	- Có giấy chống nhấm CE hoặc tương đương	32 cái/hộp	Cái	2.688	≥ 6 tháng										
72	XNSL	6	12	Ống đựng mẫu hút cấp	- Có giấy chống nhấm CE hoặc tương đương - Chiều dài: ≤ 75mm	1500 Tubes/ thùng	Tube	90.000	≥ 6 tháng										
73	XNSL	6	13	Đĩa lưu mẫu	96 giếng 2,2 ml	32 cái/hộp	Cái	8.960	≥ 6 tháng										
74	XNSL	6	14	Nắp dán phiên lưu mẫu (MP Sealing foil) dùng trên máy tự động tách mẫu	Sử dụng để dán đĩa lưu mẫu	100 miếng/hộp	Miếng	9.500	≥ 6 tháng										
	XNSL	7		Phần 7: Nhóm hóa chất xét nghiệm HIV, HBV, HCV bằng kỹ thuật điện hóa phát quang, yêu cầu thiết bị tương thích đi kèm, gồm 21 danh mục															
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL	7																	
	XNSL																		

STT	Khoa	Phần	STT phần	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Hạn sử dụng tối thiểu tại thời điểm chấm điểm hàng	Tên hàng hóa chào giá	Tính năng kỹ thuật chào giá	Hàng SX/ Nước SX	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Hạn sử dụng tối thiểu tại thời điểm giao hàng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
86	XNSL	7	12	PreciControl CMV IgM	- Hóa chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm CMV IgM	16 x 1.0 mL/ hộp	Hộp	4	≥ 3 tháng										
87	XNSL	7	13	CleanCell M	Rửa hệ thống ống và buồng đo sau mỗi lần đo	2 x 2 L/ hộp	Hộp	1.750	≥ 3 tháng										
88	XNSL	7	14	ECO-D	- Là chất hoạt động bề mặt làm giảm thiểu sự tạo thành các bọt bong bóng	12 x 59 ml/hộp	Hộp	2	≥ 3 tháng										
89	XNSL	7	15	Elesys Syphilis	- Độ nhạy 100%, độ đặc hiệu ≥ 99,8 % - Xét nghiệm được chỉ định sử dụng trong sàng lọc máu.	300 test/hộp	Hộp	2.240	≥ 3 tháng										
90	XNSL	7	16	Elesys Syphilis Control	- Hóa chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm Syphilis	4 x 2 mL/ hộp	Hộp	60	≥ 3 tháng										
91	XNSL	7	17	Elesys HBsAg II Auto Confirm	Xét nghiệm miễn dịch in vitro nhằm xác nhận sự hiện diện kháng nguyên bề mặt viêm gan B trong mẫu huyết thanh và huyết tương người	150 test/hộp	Hộp	2	≥ 6 tháng										
92	XNSL	7	18	PreciControl HBsAg Auto Confirm	Hóa chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm kháng định HBsAg	8 x 1.3 mL/ hộp	Hộp	2	≥ 6 tháng										
93	XNSL	7	19	AssayTip/AssayCup tray	Vật tư tiêu hao sử dụng trong chẩn đoán (VD): - Lamin băng nhựa PETG trong;	36 khay/hộp	Khay	23.400	≥ 6 tháng										
94	XNSL	7	20	Giá đựng cho máy chiết mẫu tự động		1 rack/hộp	Hộp	400	≥ 6 tháng										
95	XNSL	7	21	Cốc đựng bình phẩm (Sample Cup) dùng cho hệ thống xét nghiệm Cobas	Sử dụng cho hệ thống xét nghiệm huyết thanh học	20x250 cái/hộp	Cái	5.000	≥ 6 tháng										
	XNSL	8		Phần 8 : Nhóm hóa chất xét nghiệm HBsAg, anti HBc, anti HBs bằng kỹ thuật điện hóa phát quang, gồm 10 danh mục															
96	XNSL	8	1	Anti-HBc IgM G2 Elecsys E2G 300	- Độ đặc hiệu: 100 %	300 Test/ Hộp	Hộp	2	≥ 3 tháng										
97	XNSL	8	2	PreciControl Anti-HBc IgM	Hóa chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm Anti-HBc IgM	16 x 1 mL/ Hộp	Hộp	1	≥ 3 tháng										
98	XNSL	8	3	Anti-HBc Elecsys E2G 300	- Độ đặc hiệu: 99,9 %	300 Test/ Hộp	Hộp	2	≥ 3 tháng										
99	XNSL	8	4	PreciControl Anti-HBc	Hóa chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm Anti-HBc	16 x 1.3 mL/ Hộp	Hộp	1	≥ 3 tháng										
100	XNSL	8	5	HBsAg Elecsys E2G 300	- Độ nhạy: 100% - Độ đặc hiệu: 100 %	300 Test/ Hộp	Hộp	2	≥ 3 tháng										
101	XNSL	8	6	PreciControl HBsAg	Hóa chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm HBsAg	16 x 1.3 mL/ Hộp	Hộp	1	≥ 3 tháng										
102	XNSL	8	7	Anti-HBs G2 Elecsys E2G 300 V2	- Độ nhạy: 100% - Độ đặc hiệu: > 99,7 %	300 Test/ Hộp	Hộp	2	≥ 3 tháng										
103	XNSL	8	8	PreciControl Anti-HBs	Hóa chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm Anti-HBs	16 x 1.3 mL/ Hộp	Hộp	1	≥ 3 tháng										
104	XNSL	8	9	Anti-HBc G2 Elecsys E2G 300 V2	- Độ nhạy: 100% - Độ đặc hiệu : 99,88 %	300 Test/ Hộp	Hộp	2	≥ 3 tháng										
105	XNSL	8	10	PreciControl Anti-HBc G2	Hóa chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm Anti-HBc	16 x 1.3 mL/ Hộp	Hộp	1	≥ 3 tháng										
	XNSL	9		Phần 9: Nhóm hóa chất cho xét nghiệm định nhóm máu trên hệ ABO bằng kỹ thuật Gelcard, gồm 2 danh mục															
106	XNSL	9	1	Coombs Anti - IgG Card	Trong cột gel chứa anti-IgG.	24 card/hộp	Hộp	35											
107	XNSL	9	2	Diluent-2 LISS	Hóa chất pha loãng hồng cầu cho XN sàng lọc kháng thể bất tương.	250 ml/chai	Chai	11											
		10		Phần 10 : Nhóm hoá chất cho xét nghiệm định nhóm máu, sàng lọc kháng thể bất tương, thiết bị máy xét nghiệm miễn dịch huyết học. Model: Neo Iris, gồm 16 danh mục.															
108	XNSL	10	1	Microplate	Phiến Microplate 96 giếng có dán barcode dùng cho xét nghiệm định nhóm máu tự động	100 plate/hộp	Hộp	10											
109	XNSL	10	2	Diluent	Dung dịch pha loãng hồng cầu từ mẫu máu	(10 x 500ml/chai)/hộp	Hộp	5	≥ 6 tháng										
110	XNSL	10	3	Anti-A Murine Monoclonal	Kháng huyết thanh A: Chứa kháng thể IgM đơn dòng	(10 x 10ml/ô)/hộp	Hộp	1	≥ 6 tháng										
111	XNSL	10	4	Anti-B Murine Monoclonal	Kháng huyết thanh B: Chứa kháng thể IgM đơn dòng	(10 x 10ml/ô)/hộp	Hộp	1	≥ 6 tháng										
112	XNSL	10	5	Anti-A,B Murine Monoclonal	Kháng huyết thanh AB: Chứa hỗn hợp các kháng thể IgM đơn dòng	(10 x 10ml/ô)/hộp	Hộp	1	≥ 6 tháng										
113	XNSL	10	6	Anti-D IgM + IgG Monoclonal Blend	Kháng huyết thanh D IgM + IgG Monoclonal Blend chứa kháng thể đơn dòng IgM Anti-D và kháng thể đơn dòng IgG Anti-D của người	(10 x 10ml/ô)/hộp	Hộp	1	≥ 6 tháng										

STT	Khoa	Phân	STT phân	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Hạn sử dụng tối thiểu tại thời điểm giao hàng	Tên hàng hóa chào giá	Tính năng kỹ thuật chào giá	Hãng SX/ Nước SX	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Hạn sử dụng tối thiểu tại thời điểm giao hàng	Chú chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
114	XNSL	10	7	Rh control	Mẫu chứng nhóm máu được sử dụng để kiểm tra song song với kháng huyết thanh đơn dòng định nhóm máu nhằm cử ra hiệu kháng huyết thanh có thể cho kết quả qua đường kính của các hạt thường của mẫu.	(10 x 10ml/lo)/hộp	Hộp	5	≥6 tháng										
115	XNSL	10	8	pHix Phosphate Buffer Concentrate	pHix là dung dịch đệm phosphate đệm đặc được sử dụng để pha chế dung dịch miễn dịch tương ứng trong các xét nghiệm Capture hoặc ngưng kết hồng cầu.	(6 x 200 mL)/hộp	Hộp	4	≥6 tháng										
116	XNSL	10	9	Referencells - 4 (Group A1, A2, B and O)	Hồng cầu mẫu nhóm A1, A2, B và O chứa hỗn dịch 2-4% tế bào hồng cầu C-D-E được trộn lẫn trong dung dịch đệm.	(4 x 10 mL/lo)/hộp	Hộp	1	≥3 tuần										
117	XNSL	10	10	Muối tinh khiết	Muối tinh khiết dùng pha loãng dung dịch huyết thanh định nhóm máu tự động.	500 g/hộp	Hộp	3	≥9 tháng										
118	XNSL	10	11	Slit Balls	Bí khuấy từ dùng cho lọ hồng cầu mẫu, hồng cầu chỉ thị.	(2 x 50 viên/lo)/hộp	Hộp	3											
119	XNSL	10	12	Capture-R Ready-Screen (Pooled Cells)	Bộ kit Pooled Cells được dùng để phát hiện các kháng thể IgG bất thường đối với hồng cầu bằng các phương pháp bám dính hồng cầu pha rắn.	(5 x 96well/plate)/hộp	Hộp	5	≥10 tuần										
120	XNSL	10	13	Capture-R Indicator Red Cells	Hồng cầu chỉ thị phủ kháng thể kháng IgG dùng trong các xét nghiệm pha rắn Capture-R để phát hiện kháng thể IgG của hồng cầu.	(10x11,5ml/lo)/hộp	Hộp	2	≥3 tuần										
121	XNSL	10	14	Capture LISS	Dung dịch có nồng độ ion thấp dùng cho xét nghiệm phát hiện kháng thể pha rắn.	(10 x 11,5ml/lo)/hộp	Hộp	2	≥6 tháng										
122	XNSL	10	15	Capture-R Positive Control Serum (Weak)	Chứng dương, chứng âm dùng trong các xét nghiệm pha rắn Capture-R.	(2 x 11,5ml/lo)/hộp	Hộp	1	≥6 tháng										
123	XNSL	10	16	Capture-R Ready-Screen (3) Mía	Bộ kit 3 cell được dùng để phát hiện các kháng thể IgG bất thường đối với hồng cầu bằng các phương pháp bám dính hồng cầu pha rắn. Dây ống 8 giếng, cứ 3 giếng phủ màng hồng cầu khô của 3 người hiến nhóm O khác nhau và một giếng kiểm soát đường kính hạt tự được phủ màng hồng cầu nhạy cảm với IgG.	(5 x 24well/plate)/hộp	Hộp	1	≥10 tuần										
124	XNSL	11	1	Yêu cầu thiết bị	Phần 11: Nhóm hoá chất cho xét nghiệm sàng lọc kháng thể bất thường và định nhóm kháng nguyên E, Mía, gồm 4 danh mục														
125	XNSL	11	2	Yêu cầu thiết bị	1. Hệ thống bán tự động: Gồm máy ly tâm gelcard, máy ly gelcard.														
126	XNSL	11	3	Yêu cầu thiết bị	Trong cột gel chỉ chứa anti-IgG, không chứa anti-C3d và các thành phần bổ thể khác.	100 card/ hộp	card	600	≥ 3 tháng										
127	XNSL	11	4	Yêu cầu thiết bị	Độ nhạy và độ đặc hiệu cho xét nghiệm LAT là 100%.	100 card/ hộp	card	5.000	≥ 3 tháng										
128	XNSL	11	5	Yêu cầu thiết bị	Trong cột gel chứa: Anti-Human Globulin, Anti-IgG, -C3d; polyspecific	100 card/ hộp	card	2.000	≥ 5 tháng										
129	XNSL	11	6	Yêu cầu thiết bị	Cassette để thực hiện xét nghiệm xác định kháng thể nhóm máu ABO dự kiến và sàng lọc kháng thể theo quy trình ngưng kết trực tiếp. Đạt ISO 13485	100 card/ hộp	card												
130	XNSL	11	7	Yêu cầu thiết bị	Thành phần: Cassette bao gồm có 6 cột: - Cột 1 đến 6: Chất tăng cường được tối ưu hóa xét nghiệm														
131	XNSL	11	8	Yêu cầu thiết bị	Dung dịch đệm phosphate có nồng độ độ ion thấp (Liss)	3 x 10 mL/ hộp	Hộp	100	≥ 9 tháng										
132	XNSL	11	9	Yêu cầu thiết bị	Phần 12 Nhóm hóa chất xét nghiệm công thức máu cho người hiến tiểu cầu, yêu cầu thiết bị tương thích đi kèm, gồm 4 danh mục														
133	XNSL	11	10	Yêu cầu thiết bị	Công suất ≥ 50 mẫu/h														
134	XNSL	11	11	Yêu cầu thiết bị	Hóa chất rửa dùng cho máy phân tích huyết học	5 lít/can	Can	90	≥4 tháng										
135	XNSL	11	12	Yêu cầu thiết bị	Hóa chất ly giải hồng cầu dùng cho máy phân tích huyết học	500ml/can	Can	240	≥ 6 tháng										
136	XNSL	11	13	Yêu cầu thiết bị	Hóa chất pha loãng dùng cho máy phân tích huyết học	18lit/can	Can	500	≥ 6 tháng										
137	XNSL	11	14	Yêu cầu thiết bị	Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết học để nội kiểm nước thường	2ml/lo	lo	60	≥ 1 tháng										